VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN ĐẢO GẮN LIỀN VỚI BẢO VỆ AN NINH - QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HẢI ANH
Trường Đại học Nha Trang

Nhận bài ngày 18/4/2025. Sửa chữa xong 24/4/2025. Duyệt đăng 15/5/2025.

Abstract

The development of the maritime and island economy in conjunction with the protection of national security and defense is a strategic priority, particularly amid increasing regional and global uncertainties. The perspectives of the Communist Party and the Vietnamese State on this integrated approach are clearly reflected in various official documents, especially resolutions, national strategies, and action plans related to marine economic development. This article explores the practical application of those viewpoints in aligning economic growth with security and defense objectives.

Keywords: *Marine economy, national security, defense, island development, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Đảng xác định rõ biển là một bộ phận cấu thành thiêng liêng của Tổ quốc, có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), đảm bảo quốc phòng - an ninh. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, việc phát triển kinh tế biển bền vững gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo được nhấn mạnh là một trong những định hướng lớn cho phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Hiện nay, kinh tế biển đảo Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển KT-XH nói chung của đất nước, với nhiều thành tựu nổi bật và tiềm năng lớn. Tuy nhiên vẫn gặp nhiều thách thức và hạn chế về hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý, phát triển khoa học - công nghệ biển, nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực biển, nguy cơ ô nhiễm môi trường và an ninh - quốc phòng (AN-QP) khu vực biển đảo. Do đó chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp để vận dụng hiệu quả quan điểm của Đảng trong phát triển kinh tế biển đảo gắn liền với bảo vệ AN-QP.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển đảo gắn liền với bảo vệ an ninh - quốc phòng

2.1.1. Biển đảo là không gian phát triển chiến lược lâu dài của quốc gia

Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài hơn 3.260km, với hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Với lợi thế tự nhiên đó, biển và hải đảo không chỉ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế mà còn là tuyến đầu trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, AN-QP của đất nước. Trước bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến phức tạp, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra những quan điểm chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán và có tính chiến lược về phát triển kinh tế biển đảo gắn liền với củng cố quốc phòng - an ninh (QP-AN). Trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc và đặc biệt là Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về "Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" [1], Đảng đã khẳng định quan điểm phát triển bền vững kinh tế biển là một bộ phận quan

Email: anhnth@ntu.edu.vn

trọng trong chiến lược phát triển bền vững đất nước; bảo đảm QP-AN và chủ quyền quốc gia trên biển là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Quan điểm này thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò chiến lược của biển đảo đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phải gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố QP-AN trên biển.

2.1.2. Phát triển kinh tế biển là động lực, bảo vệ chủ quyền là nền tảng

Đảng chủ trương phát triển toàn diện các ngành Kinh tế biển như: hàng hải, du lịch, khai thác và chế biến thủy hải sản, khai thác dầu khí, năng lượng tái tạo biển, công nghiệp ven biển... Trong đó, các vùng biển và đảo được định hướng trở thành các trung tâm kinh tế trọng điểm, vừa làm nhiệm vụ phát triển kinh tế, góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia. Đặc biệt, việc khuyến khích và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế tại các khu vực đảo xa bờ và vùng biển trọng điểm không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn có giá trị to lớn về mặt chiến lược: "Đưa dân ra bám biển là góp phần giữ nước từ sớm, từ xa". Đảng định hướng rõ mục tiêu xây dựng Việt Nam thành quốc gia mạnh về biển: "Bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vùng biển, đảo" [1]. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên biển, bảo vệ môi trường sinh thái biển. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng ven biển, đảo, phát triển các đô thị biển gắn với an ninh vùng lãnh hải.

2.1.3. Tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh gắn với phát triển kinh tế biển

Trong các chủ trương, chính sách của Đảng, một nguyên tắc xuyên suốt là xây dựng "Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên biển". Đây là một trong những chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó có sự tham gia phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quân đội, công an, dân quân biển, lực lượng kiểm ngư, hải quan và đặc biệt là cộng đồng ngư dân. Thực hiện bằng các chính sách cụ thể: Hỗ trợ tàu cá công suất lớn để ngư dân vươn khơi xa bám biển; xây dựng các cụm dân cư, dịch vụ hậu cần nghề cá trên các đảo lớn; phối hợp giữa lực lượng hải quân, cảnh sát biển, biên phòng và ngư dân trong tuần tra, kiểm soát và bảo vệ chủ quyền.

Đảng chỉ đạo hiện đại hóa lực lượng hải quân, cảnh sát biển, phát triển các đơn vị dân quân tự vệ biển, đồng thời lồng ghép các hoạt động kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng như xây dựng cảng biển kép gắn với chức năng quân sự và dân sự, đầu tư hạ tầng đảo nổi, sân bay, radar giám sát biển...

2.1.4. Bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế

Luật Biển Việt Nam (2012) đã cụ thể hóa đường lối của Đảng về các vấn đề liên quan đến biển, đảo [2]. Luật Biển được xây dựng trên cơ sở đường lối, quan điểm của Đảng, trong đó đã khẳng định rõ quan điểm: Việt Nam kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển bằng các biện pháp hòa bình. Đảng và Nhà nước kiên định đường lối đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo bằng biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS).

2.1.5. Hướng đến mục tiêu "quốc gia mạnh về biển"

Một trong những định hướng lớn mà Đảng đề ra là: "Đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, phát triển bền vững, có kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế quốc dân". Quan điểm này không chỉ đề cập đến tiềm lực kinh tế mà còn bao hàm sức mạnh tổng hợp về AN-QP, quản trị biển hiệu quả, bảo vệ môi trường biển và phát triển bền vững các cộng đồng cư dân ven biển và hải đảo. Chương trình phát triển KT-XH vùng biển và hải đảo (giai đoạn 2021-2030) do Chính phủ triển khai theo định hướng của Đảng: Tăng đầu tư cho các vùng đảo xa bờ như Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc, Lý Sơn... Xây dựng hệ thống cảng biển chiến lược vừa phục vụ kinh tế, vừa đảm bảo quốc phòng. Tăng cường hợp tác quốc tế về biển, khai thác bền vững, bảo vệ chủ quyền thông qua đàm phán hòa bình.

2.2. Thực trạng phát triển kinh tế biển đảo gắn liền với bảo vệ an ninh - quốc phòng ở Việt Nam

2.2.1. Những thành tựu đã đạt được

a. Kinh tế biển đảo ngày càng khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW năm 2018, kinh tế biển và các ngành Kinh tế ven biển Việt Nam

đã có bước chuyển mình rõ nét, có đóng góp lớn vào nền kinh tế quốc dân. Giai đoạn 2011-2022, các ngành Kinh tế biển đã đóng góp lớn trong phát triển kinh tế cả nước. GDP trung bình của 28 tỉnh, thành phố ven biển chiếm khoảng 50% GDP của cả nước. Thu nhập bình quân/người của các địa phương ven biển đạt khoảng 97 triệu đồng năm 2022, cao hơn bình quân cả nước [3]. Trên bản đồ xuất khẩu thủy sản thế giới, Việt Nam đang là quốc gia xuất khẩu lớn thứ 3, chiếm 7% thị phần trên thị trường thế giới, chỉ đứng sau Trung Quốc và Na Uy [4]. Sản lượng khai thác và nuôi trồng ngày càng hiện đại hóa, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và truy xuất nguồn gốc. Ngành Kinh tế du lịch biển - đảo phát triển mạnh mẽ, đóng góp trên 50% tổng doanh thu du lịch cả nước. Các trung tâm du lịch biển như Hạ Long, Đà Nẵng, Phú Quốc, Nha Trang đã trở thành điểm đến quốc tế.

Ngành Vận tải biển với hệ thống cảng biển phát triển quy mô lớn với 34 cảng biển đang hoạt động, trong đó cụm cảng Cái Mép - Thị Vải thuộc top 11 cảng trung chuyển quốc tế có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải trên 100.000 DWT. Phát triển năng lượng tái tạo ngoài khơi với nhiều dự án quy mô lớn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Ninh Thuận và Bình Thuận. Tiềm năng điện gió ngoài khơi của Việt Nam ước đạt khoảng 500 GW - thuộc nhóm cao nhất khu vực.

b. Phát triển kinh tế biển đảo gắn với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên biển

Việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo vệ QP-AN là một điểm sáng nổi bật trong thực tiễn triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW về "Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045". Cụ thể, vấn đề tăng cường hiện diện dân sinh - quốc phòng trên các đảo và khu vực biển xa được đẩy mạnh. Nhiều địa phương ven biển, nhất là ở Trường Sa, nhà giàn DK1 và các đảo tiền tiêu đã được đầu tư phát triển mô hình KT-XH gắn với nhiệm vụ quốc phòng. Các tàu cá hoạt động ở ngư trường Hoàng Sa, Trường Sa không chỉ sản xuất mà còn giữ vai trò chốt giữ chủ quyền. Nhiều sân bay và cảng biển ven biển được quy hoạch và sử dụng theo mô hình lưỡng dụng, phục vụ đồng thời mục tiêu kinh tế và quốc phòng như cảng Cam Ranh, Vân Phong, sân bay Phú Quốc, Trường Sa, Vân Đồn… Việc bố trí các đơn vị quân sự và lực lượng kiểm soát chặt chẽ trên các tuyến hàng hải huyết mạch đã góp phần tạo nên thế trận quốc phòng liên hoàn, vững chắc.

Quan tâm phát triển lực lượng chuyên trách về AN-QP trên biển. Lực lượng Hải quân Nhân dân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Bộ đội Biên phòng và dân quân biển ngày càng được kiện toàn về tổ chức, hiện đại hóa về trang thiết bị, nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu. Những năm vừa qua, Việt Nam đã thực hiện tuần tra, kiểm soát trên biển, xử lý hàng nghìn vụ vi phạm pháp luật trên biển. Đồng thời, các lực lượng chức năng của Việt Nam thường xuyên tham gia diễn tập chung trên biển với các quốc gia đối tác, qua đó nâng cao năng lực phối hợp, khẳng định cam kết gìn giữ hòa bình, ổn định và hợp tác trên Biển Đông.

Phát huy vai trò ngày càng cao của ngư dân trong vấn đề phát triển kinh tế biển đảo gắn liền với bảo vệ, củng cố chủ quyền vùng biển. Hàng chục nghìn tàu cá vươn khơi đánh bắt xa bờ mỗi năm chính là lực lượng nhân dân góp phần hiện diện thường xuyên ở các vùng biển trọng yếu. Nhiều chương trình "Hỗ trợ ngư dân vươn khơi bám biển", "Hải quân Việt Nam đồng hành cùng ngư dân"… giúp hàng chục nghìn lượt tàu cá nhận được hỗ trợ hậu cần, thông tin và cứu nạn, cứu hộ. Từ đó góp phần đảm bảo an ninh vùng biển.

c. Chủ động, tích cực hội nhập và hợp tác quốc tế về biển

Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trong khu vực ASEAN trong việc thực thi UNCLOS 1982, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Việt Nam tích cực thúc đẩy xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) giữa ASEAN và Trung Quốc, bảo đảm rằng các nguyên tắc cốt lõi như không sử dụng vũ lực, tôn trọng UNCLOS 1982 và quyền chủ quyền của các quốc gia ven biển được lồng ghép đầy đủ. Việt Nam cũng thể hiện quan điểm rõ ràng về hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng chủ quyền biển đảo tại các diễn đàn như Hội nghị Shangri-La, Liên Hợp Quốc, APEC, EAS,… Qua đó đa phương hóa mặt trận ngoại giao biển đảo, tăng cường sức mạnh mềm. Trong bối cảnh Trung Quốc liên tục đưa ra các công hàm đòi hỏi "quyền lịch sử" phi lý ở

Biển Đông, Việt Nam đã gửi nhiều công hàm ngoại giao tới Liên Hợp Quốc phản bác, khẳng định quyền chủ quyền và quyền tài phán dựa trên UNCLOS 1982. Các công hàm này không chỉ bảo vệ lập trường pháp lý của Việt Nam mà còn thể hiện vai trò tích cực trong xây dựng trật tự pháp lý biển quốc tế dựa trên luật pháp quốc tế.

2.2.2. Một số khó khăn hạn chế

a. Cơ cấu kinh tế biển phát triển chưa thực sự hiện đại, hiệu quả và bền vững

Ở nước ta hiện nay chưa hình thành đầy đủ các ngành Kinh tế biển hiện đại, hiệu quả cao. Cơ cấu ngành còn thiếu cân đối, chủ yếu tập trung vào các ngành truyền thống như đánh bắt thủy sản, khai thác dầu khí, du lịch ven biển. Các ngành mới như kinh tế số biển, năng lượng tái tạo biển, công nghệ sinh học biển, kinh tế số biển… còn chậm phát triển do thiếu chính sách đột phát, cơ chế - hạ tầng hỗ trợ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Các ngành Kinh tế biển truyền thống tuy đạt mức tăng trưởng cao nhưng vẫn dựa nhiều vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, trình độ công nghệ còn thấp. Nhiều dự án điện gió ngoài khơi mới chỉ ở giai đoạn khảo sát, chưa có dự án thương mại quy mô lớn đi vào vận hành, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng sẵn có. Bên cạnh đó, liên kết các vùng ven biển còn khá rời rạc, một số địa phương phát triển kinh tế biển còn chạy theo lợi ích ngắn hạn, thiếu tính dài hạn, làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường biển, suy giảm nguồn lợi thủy sản.

b. Hạ tầng biển đảo chưa đồng bộ, kết nối còn hạn chế

Hệ thống cảng biển tuy đã có cải thiện song phân bố còn chưa đồng đều, thiếu tính liên kết với các trung tâm sản xuất - tiêu dùng trong nội địa. Mạng lưới đường bộ, đường sắt kết nối các khu kinh tế ven biển còn thiếu và yếu, làm tăng chi phí logistics và giảm năng lực cạnh tranh của hàng hóa. Ở nhiều đảo xa như Trường Sa, DK1…, cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh, hậu cần và quốc phòng vẫn còn hạn chế. Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước có phần dàn trải, thiếu trọng điểm, dẫn tới hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng. Nhiều cảng biển quy mô lớn chưa phát huy hết công suất do thiếu hệ thống logistics, kết nối đường bộ - đường sắt hiệu quả. Cơ sở hạ tầng phục vụ quốc phòng kết hợp kinh tế ở một số đảo vẫn còn thiếu thốn.

c. Thế trận quốc phòng - an ninh trên biển chưa đảm bảo sức mạnh đồng bộ và chủ động

Mặc dù các lực lượng vũ trang được tăng cường nhưng còn thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng như Hải quân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và dân quân biển trong tuần tra, kiểm soát vùng biển rộng lớn. Lực lượng dân quân tự vệ biển ở các địa phương ven biển phần lớn chưa được tổ chức bài bản và trang bị quân khí hiện đại hóa tương xứng với yêu cầu tác chiến trong điều kiện mới. Vấn đề về chấp pháp trên biển còn gặp nhiều khó khăn do trang thiết bị hạn chế, phạm vi hoạt động rộng, trong khi các hoạt động xâm phạm chủ quyền, khai thác trái phép diễn biến ngày càng tinh vi, có tổ chức. Bên cạnh đó vẫn còn tình trạng ngư dân xâm phạm vùng biển nước ngoài, gây ảnh hưởng đến uy tín quốc tế và công tác đấu tranh pháp lý.

d. Môi trường an ninh biển quốc tế và khu vực ngày càng phức tạp, tiềm ẩn rủi ro xung đột

Biển Đông vẫn là điểm nóng trong cạnh tranh địa chính trị, với các hành vi quân sự hóa, xây dựng trái phép, áp đặt "đường lưỡi bò" phi pháp từ một số quốc gia. Các hoạt động khảo sát, thăm dò và áp lực trên thực địa đặt ra nhiều thách thức pháp lý, ngoại giao và chiến lược cho Việt Nam. Nguy cơ xung đột nguồn lợi, cạnh tranh dầu khí, khai thác IUU gây tổn hại môi trường sinh thái và đe dọa an ninh phi truyền thống. Ngoài ra, các nguy cơ an ninh biển như cướp biển, buôn lậu, ô nhiễm biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, và suy thoái sinh thái vùng ven biển đang ảnh hưởng tiêu cực tới cả phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng.

e. Vai trò của người dân, ngư dân và doanh nghiệp trong bảo vệ chủ quyền biển đảo chưa được phát huy đầy đủ

Phần lớn tàu cá của ngư dân vẫn là tàu nhỏ, công suất dưới 90CV, không đủ khả năng vươn khơi dài ngày và không được trang bị thiết bị liên lạc hiện đại. Điều này gây khó khăn trong việc vừa sản xuất,

vừa hỗ trợ nhiệm vụ QP-AN trên biển. Nhiều doanh nghiệp còn ngần ngại đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế lưỡng dụng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo huy động nhân lực, tàu thuyền của địa phương trong một số nhiệm vụ chưa bảo đảm; chưa đáp ứng được tính kịp thời với yêu cầu, nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra; nhận thức của một số ngư dân và gia đình được huy động thực hiện nhiệm vụ tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo còn hạn chế...

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển đảo gắn với bảo vệ an ninh - quốc phòng

2.3.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế biển gắn với an ninh - quốc phòng

Trước hết cần tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý biển và hải đảo để thống nhất, đồng bộ với chiến lược phát triển quốc gia theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Xây dựng nội dung quốc phòng - an ninh vào các quy hoạch phát triển kinh tế biển, nhất là quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng bờ, quy hoạch các khu kinh tế ven biển và đảo. Quan tâm hơn nữa việc hoàn thiện và ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế biển lưỡng dụng, có khả năng phát triển kinh tế gắn liền với củng cố, phục vụ quốc phòng như đóng tàu, vận tải biển, dịch vụ hậu cần nghề đánh bắt cá, hải sản... Đồng thời xây dựng đầy đủ kế hoạch có liên quan, cũng như kịp thời phối hợp với cơ quan, ban ngành lãnh đạo địa phương để giải quyết đầy đủ chế độ, chính sách cho các cán bộ, chiến sỹ, nhân dân, ngư dân ven biển trong khi làm nhiệm vụ hoặc có thành tích đóng góp cho mục tiêu phát triển kinh tế cùng với củng cố AN-QP biển đảo.

2.3.2. Đẩy mạnh phát triển các ngành Kinh tế biển hiện đại có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường

Cần hoàn thiện các văn bản pháp lý, cơ chế ưu tiên phát triển cho các dự án năng lượng tái tạo biển như điện gió trên biển. Đẩy nhanh quy hoạch không gian biển phù hợp, xây dựng hệ thống hạ tầng truyền tải điện hiện đại. Đầu tư vào các trung tâm nghiên cứu biển, công nghệ sinh học biển, phát triển hệ thống giám sát tài nguyên biển bằng công nghệ số, AI... nhằm thúc đẩy kinh tế số biển. Xây dựng và phát triển cụm cảng biển trung chuyển quốc tế hiện đại như Cái Mép - Thị Vải, Lạch Huyện... Tăng cường khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lớn, tích hợp dịch vụ logistics biển công nghệ cao. Đồng thời thúc đẩy liên kết vùng biển - ven biển - đất liền. Đảm bảo giao thông, vận tải kết nối đồng bộ giữa hệ thống cảng, khu kinh tế ven biển với các vùng công nghiệp, tiêu dùng nội địa nhằm giảm chi phí logistics, tăng năng lực cạnh tranh hàng hóa.

2.3.3. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên biển

Để tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh vùng biển đảo cần đầu tư nâng cấp tàu tuần tra, tàu chấp pháp của Hải quân, cảnh sát biển, kiểm ngư; hiện đại hóa trang bị hệ thống trinh sát, thông tin hiện đại, đảm bảo khả năng kiểm soát toàn bộ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam. Xây dựng các lực lượng chuyên trách, lực lượng dân quân biển bài bản, hiệu quả. Các địa phương ven biển cần tổ chức các trung đội dân quân biển đủ mạnh, được huấn luyện quân sự và nghiệp vụ thường xuyên, trang bị phương tiện định vị, cứu hộ cứu nạn. Xây dựng các đảo trọng điểm như Trường Sa, DK1, Phú Quốc... thành trung tâm hậu cần, kỹ thuật lưỡng dụng, phục vụ đồng thời nhiệm vụ quốc phòng và dân sinh. Tăng cường tuần tra phối hợp giữa các lực lượng để xử lý tình huống trên biển nhanh chóng, hiệu quả.

2.3.4. Chủ động bảo vệ chủ quyền biển đảo bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế

Tăng cường năng lực pháp lý, nghiên cứu và bảo vệ bằng chứng chủ quyền hợp pháp. Việt Nam cần tiếp tục sưu tầm, biên soạn, công bố các tài liệu lịch sử, bản đồ, công ước quốc tế chứng minh chủ quyền không tranh cãi với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Chủ động sử dụng các công cụ luật pháp quốc tế, bao gồm UNCLOS 1982 để phản đối các hành động vi phạm chủ quyền, đòi hỏi phi pháp của nước ngoài. Tăng cường ngoại giao đa phương và song phương về biển. Thúc đẩy đàm phán COC hiệu quả với Trung Quốc trong khuôn khổ ASEAN, vận động sự ủng hộ quốc tế, đặc biệt từ các nước có lợi

ích trên Biển Đông (Mỹ, Nhật Bản, EU...). Tổ chức diễn đàn, hội nghị quốc tế về biển và hải đảo tại Việt Nam, nâng cao vai trò của Việt Nam trong hợp tác biển quốc tế, từ đó tạo thế pháp lý - chính trị vững chắc trên trường quốc tế.

2.3.5. Phát huy vai trò của nhân dân, ngư dân và doanh nghiệp trong bảo vệ chủ quyền và phát triển kinh tế biển

Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình "Hải quân đồng hành cùng ngư dân". Tăng cường lực lượng chấp pháp biển hỗ trợ ngư dân vươn khơi, giúp bảo vệ ngư trường truyền thống, kịp thời ứng cứu các tình huống khẩn cấp. Hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho ngư dân đóng mới, cải tạo tàu công suất lớn, trang bị định vị vệ tinh, máy liên lạc, tạo điều kiện để đánh bắt hợp pháp, hiệu quả và an toàn. Khuyến khích hình thành mô hình doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng trên biển, trong đó doanh nghiệp đầu tư vào khai thác hải sản, vận tải, du lịch, điện gió, logistics cũng thực hiện một phần nhiệm vụ quốc phòng. Điển hình như hỗ trợ cứu nạn, truyền tin, cung ứng vật tư cho lực lượng chấp pháp. Xây dựng ý thức chủ quyền biển đảo trong toàn dân, nhất là thế hệ trẻ, thông qua giáo dục biển trong nhà trường, tổ chức các hoạt động về nguồn, chương trình thanh niên biển đảo quê hương, tăng cường truyền thông về vị trí, vai trò biển đảo với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

3. Kết luận

Phát triển kinh tế biển đảo gắn với bảo vệ AN-QP không chỉ là yêu cầu khách quan từ tiềm năng to lớn của biển đảo Việt Nam mà còn là nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa sống còn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Biển đảo là không gian sinh tồn, là tuyến đầu bảo vệ chủ quyền quốc gia, đồng thời cũng là nguồn lực to lớn để thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Do đó, để phát huy hiệu quả tiềm năng biển đảo cần đồng bộ các giải pháp: hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế biển theo hướng xanh và bền vững; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng ven biển và trên các đảo trọng điểm; tăng cường năng lực khai thác, chế biến và dịch vụ biển hiện đại; đồng thời củng cố lực lượng chấp pháp, nâng cao năng lực phòng thủ và phối hợp giữa các lực lượng trên biển. Việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền sẽ tạo nên thế trận liên hoàn, vừa thúc đẩy phát triển, vừa bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

[2] Quốc hội (2012), *Luật Biển Việt Nam*, Luật số 18/2012/QH13, ngày 21/6/2012.

[3] Nguyễn Hồng Điệp (2024), *Kinh tế biển - nền tảng phát triển bền vững*, nguồn: https://baotintuc.vn, ngày 4/6/2024.

[4] Hải Nam (2022), *Xuất khẩu thủy sản đạt kỷ lục hơn 20 năm, hướng tới 11 tỷ USD*, nguồn: https://taichinhdoanhnghiep.net.vn, ngày 11/12/2022.

[5] Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2016), *Một số vấn đề phát triển kinh tế biển của Việt Nam*, Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[7] Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1570/QĐ-TTg, ngày 06/9/2013 về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.